

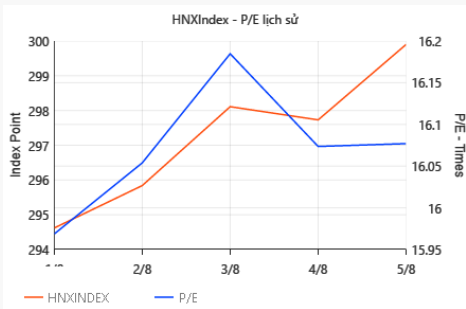


VN-INDEX



Điểm số	1,252.74
Tuần qua (WoW)	3.85%
Từ đầu năm (YTD)	-16.39%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	47.44%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	43.82%
P/E	13.29
P/B	2.07

HNX -INDEX



Điểm số	299.90
Tuần qua (WoW)	3.91%
Từ đầu năm (YTD)	-36.73%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	58.23%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	46.76%
P/E	16.08
P/B	1.68

Chuyên viên Phân tích

Đỗ Trung Nguyên

nguyendt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 - ext:702

Võ Thế Vinh

vinhvt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 - ext:701

THANH KHOẢN ỨNG HỘ ĐÀ HỒI PHỤC. NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Thị trường đã có một tuần tăng có thể coi khá bất phá cả về điểm số lẫn thanh khoản, đà tăng đã đưa hầu hết các chỉ số của thị trường Việt Nam dẫn đầu đà tăng so với các chỉ số cổ phiếu chính trên thế giới. Tâm lý chấp nhận rủi ro thể hiện khi nhóm cổ phiếu midcap và smallcap cho thấy sự thu hút với dòng tiền khi một số cổ phiếu trụ thu hẹp đà tăng về cuối tuần.

Thời gian tới nhiều khả năng dòng tiền sẽ chuyển động dựa trên tâm lý của nhà đầu tư cá nhân khi thị trường bắt đầu bước vào vùng trung thông tin sau mùa báo cáo tài chính và việc các tin tức (thiên về tiêu cực) từ vĩ mô thế giới như chính sách tiền tệ của Mỹ, thị trường Bất động sản Trung Quốc, căng thẳng địa chính trị châu Á đều đã phản ánh lên thị trường. Do vậy, khả năng cao sẽ lại tiếp tục những nhịp hồi phục ngắn hạn đối với các cổ phiếu đã giảm sâu.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường có sự thay đổi trong môi trường chuyển động và tạo cơ hội cho việc có thể giải ngân với chiến lược mua breakout, đó là những gì đã được thể hiện ở các vị thế mở mới của Danh mục Giao dịch trong tuần vừa qua. Cho đến thời điểm hiện tại, khi thị trường đã tăng được một đoạn, chiến lược lúc này sẽ quay lại là chờ đợi cơ hội giải ngân khi suy yếu, thay vì tiếp tục mua đuổi ở mức giá cao.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Giao dịch: Danh mục Giao dịch trong tuần vừa qua có mở vị thế mới với VCB, BID, MBB, VND, VCI, HPG, NKG.



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	41.0%		-12.6%
VHM	15/02/21	3	77,730	Nắm giữ	81,800	5.2%	32.4%		10.2%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	68.0%		-26.7%
NLG	23/08/21	1	36,030	Nắm giữ	34,300	-4.8%		21.9%	16.0%
MWG*	06/08/21	3	56,500	Nắm giữ	60,650	7.3%		3.4%	163.2%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	32.4%		-12.7%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		19.0%	108.7%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	23.9%		2.6%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		12.7%	45.6%
PNJ*	31/07/20	2	80,300	Nắm giữ	85,400	6.3%		34.5%	128.0%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	20.6%		0.8%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	23.9%		17.2%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Lợi nhuận kỳ vọng	Lãi/Lỗ hiện tại
VCB	2022/08/02	75,000 - 79,000	101,000	31.2%	6.5%
BID	2022/08/02	37,000 - 40,000	52,000	35.1%	1.3%
MBB	2022/08/02	26,000 - 27,500	36,000	34.6%	0.7%
VND	2022/08/02	19,800 - 21,000	28,500	39.7%	7.8%
VCI	2022/08/02	42,000 - 45,000	60,000	37.9%	4.5%
HPG	2022/08/02	22,000 - 23,500	31,000	36.3%	2.4%
NKG	2022/08/02	18,000 - 19,500	25,500	36.0%	11.2%



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường đã có một tuần hồi phục và bứt phá khi cả 2 chỉ số VN-Index và HNX-Index đều tăng gần 4% và đặc biệt hơn là đã thu hút lực cầu bắt đáy khi thanh khoản cũng cho thấy sự bùng nổ với khối lượng và giá trị khớp lệnh tăng tương ứng 47.4%, 43.8% trên HSX và 58.2%, 46.8% trên HNX.

Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về phía tích cực với 511 mã tăng điểm/ 170 mã giảm điểm trên cả 2 sàn. Xét trong nhóm dẫn dắt, tác động của các mã trụ tăng điểm như VCB, NVL, HPG, CTG, BID cũng là vượt trội so với các mã trụ giảm lấy điểm của thị trường.

Tâm lý chấp nhận rủi ro của thị trường thể hiện rõ ở biến động của các nhóm vốn hóa khi VNSmallcap và VNMidcap dẫn đầu đà tăng của thị trường với mức tăng lần lượt 5% và 4.04%. Các chỉ số của thị trường Việt Nam tăng khá vượt trội so với các chỉ số cổ phiếu khác trên thế giới.

Hầu hết các nhóm ngành đều tăng điểm, và dòng tiền dường như đang theo xu hướng chúng tôi có nhắc đến trong tuần trước: ưu tiên các nhóm ngành có kết quả kinh doanh kém khả quan và kỳ vọng vào việc giá cổ phiếu đã chiết khấu đủ sâu. Nhóm Chứng khoán (trong Dịch vụ tài chính) và Thép (trong tài Nguyên cơ bản) đại diện cho xu hướng này.

Xét về dòng tiền thị trường, đây là tuần thứ 2 liên tiếp nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước là nhóm bán ròng chính với giá trị thậm chí còn lớn hơn tuần trước (1,6 ngàn tỷ so với 1,3 ngàn tỷ). Rõ ràng, nhóm nhà đầu tư tích cực nhất trên thị trường vẫn chưa hoàn toàn chắc chắn về xu hướng hồi phục ngắn hạn hiện tại do lo ngại vùng trống thông tin sau báo cáo kết quả kinh doanh quý 2.

Ở chiều ngược lại các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài tiếp tục là nhóm mua ròng mạnh nhất, mặc dù lực mua cũng đã giảm đi khi nhà đầu tư nước ngoài chuyển sang bán ròng vào phiên cuối tuần. Các mã tài chính như SSI, STB, VCB hay cổ phiếu bất động sản VHM được mua ròng mạnh nhất trong khi nhà đầu tư nước ngoài bán ròng CCQ FUEVFNVD và E1VFN30. Tham gia mua ròng đáng kể trong tuần qua là nhóm tổ chức trong nước sau khi đã duy trì vị thế bán ròng vào tuần trước, hoạt động mua ròng chính đến từ việc mua đối ứng CCQ FUEVFNVD từ nhóm nhà đầu tư nước ngoài.

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 3.8%, mở cửa tuần cao hơn tham chiếu và gần như là mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa tuần và thấp hơn mức cao nhất tuần một chút, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn các tuần liền trước và cao hơn trung bình.

Như chúng tôi đã đề cập trong các phần nhận định trong tuần, thị trường có ngày thứ hai đầu tuần bật tăng mạnh mẽ với khối lượng giao dịch cũng như giá trị giao dịch cả ngày lớn hơn hẳn giai đoạn trước đó, xác nhận môi trường chuyển động thay đổi với lực mua giá cao mạnh mẽ áp đảo phía bán. Sự chênh lệch cung cầu này được tiếp diễn trong hai ngày sau đó và đến ngày thứ năm thì bắt đầu có những dấu hiệu thu hẹp lại, khi lực mua dần bớt hưng phấn, và đến ngày thứ sáu thì VNINDEX đã có ngày giảm nhẹ dù đóng cửa vẫn cao hơn mở cửa và hồi phục về cuối ngày.

Nhìn chung thị trường có khả năng sẽ cần phải suy yếu và tích lũy thêm nhưng đó sẽ chỉ là diễn biến tạm thời để quay lại xu hướng chủ đạo trong giai đoạn hiện tại là tăng.

Vai trò	Vùng điểm của VNINDEX
Hỗ trợ	1,150
Kháng cự	1,350 – 1,360



THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
BMC	11/10/21	25,200 – 27,200	45,200	21,100	1:3	1.1%	33,000	21.3%
TNG	24/08/21	22,833 – 24,120	31,833	21,481	1:3	36.8%	38,950	61.5%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	2.0%	172,730	17.5%
BWE*	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	58.3%	62,000	72.2%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	78.6%	27,800	98.6%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	26.2%	68,000	38.4%
VND*	09/06/21	14,600 – 15,600	21,000	13,500	1:2.5	105.1%	36,250	132.4%
DPG*	31/05/21	26,500 – 27,929	42,571	24,000	1:4	199.0%	97,920	250.6%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	25.1%	43,300	46.8%
BID	28/05/21	36,400 – 38,400	51,600	33,600	1:3	15.9%	49,950	30.1%
SSI*	20/05/21	21,000 – 22,300	27,850	19,700	1:2	81.6%	52,130	133.8%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	35.2%	43,550	61.3%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	100.6%	33,500	108.1%
SMC*	11/05/21	29,000 – 31,250	41,670	25,850	1:2	12.6%	45,740	46.4%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	98.5%	28,850	112.1%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	68.6%	62,200	77.7%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	61.9%	36,700	74.8%
TTF*	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	93.3%	17,950	139.3%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	6.6%	129,690	28.0%
VCB	18/03/21	74,530 – 76,250	97,000	72,700	1:6	18.0%	96,000	25.9%
GEG*	08/03/21	15,610 – 16,650	24,245	14,580	1:4	47.1%	27,360	35.1%
FCN*	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	97.3%	37,000	151.7%
PVD*	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	41.6%	33,580	58.0%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	172.0%	28,800	240.6%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	44.9%	130,440	56.2%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	119.0%	49,100	133.8%
CCL*	17/02/21	8,930 – 9,820	16,070	7,770	1:3	73.1%	18,570	89.1%
SAM*	17/02/21	10,730 – 11,590	21,555	9,770	1:5	81.2%	28,260	143.8%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	57.9%	27,000	86.2%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	132.0%	48,000	143.7%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	40.5%	34,300	63.3%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	153.2%	88,260	184.7%
PGV*	23/11/20	12,510 – 13,462	22,510	11,271	1:4	174.8%	42,290	85.6%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	283.8%	41,800	383.2%
DRI*	20/10/20	4,030 – 4,530	9,530	3,230	1:4	312.8%	20,780	358.7%
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%



Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã đã rút khỏi Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Lợi nhuận	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
TDM*	30/07/21	30,050	40,000	33.1%	32.8%	41.1%
HAH*	03/08/21	34,300	42,100	22.7%	268.1%	469.9%
OCB*	02/08/21	24,300	27,700	14.0%	25.5%	53.0%
SZC*	23/04/21	35,750	41,000	14.7%	38.1%	144.3%
DHC*	30/10/20	34,440	38,760	17.1%	88.7%	171.2%
ACB*	05/02/21	22,830	29,110	27.5%	58.3%	69.8%
MBB*	11/06/21	29,185	32,593	11.7%	113.3%	175.7%

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
VHM*	31/05/21	75,820	75,550	0%	38.6%	15/02/22	81,800	+8.3%
MWG*	08/02/21	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu. Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



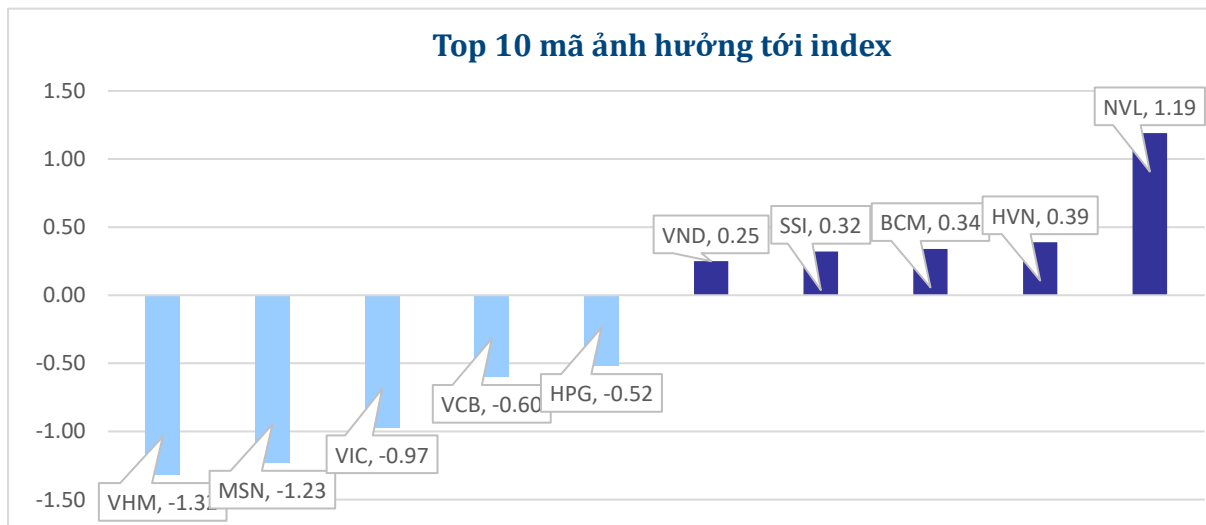
FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG PHIÊN CUỐI TUẦN
BIẾN ĐỘNG NGÀY

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,252.74	-0.11%	-1.41	698.64	15,562.8	210	90	228
Vn30 - Index	1,272.06	-0.44%	-5.67	184.87	5,747.9	8	5	17
Vn - Mid	1,706.30	0.60%	10.26	243.02	6,070.3	42	10	17
VN - Small	1,550.76	1.00%	15.40	179.02	2,866.9	107	31	82
HNX - Index	299.90	0.73%	2.17	91.27	1,667.8	111	59	167
Upcom - Index	91.32	0.51%	0.46	77.46	867.9	267	60	138

THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	15,562.80	-8.49%	698.64	-3.60%
HNX	1,667.80	-11.39%	91.27	-4.09%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY

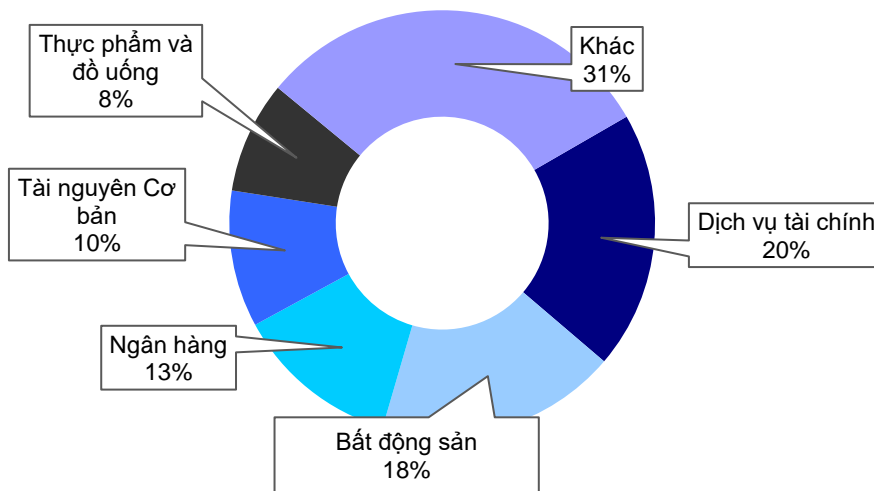


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)
HPG	HPG	APG	VIX	MSN
SSI	SSI	ORS	PVD	VJC
VND	VND	MSN	SSI	VHM
POW	VPB	POW	VCI	HPG
HAG	POW	HVN	VND	VIC

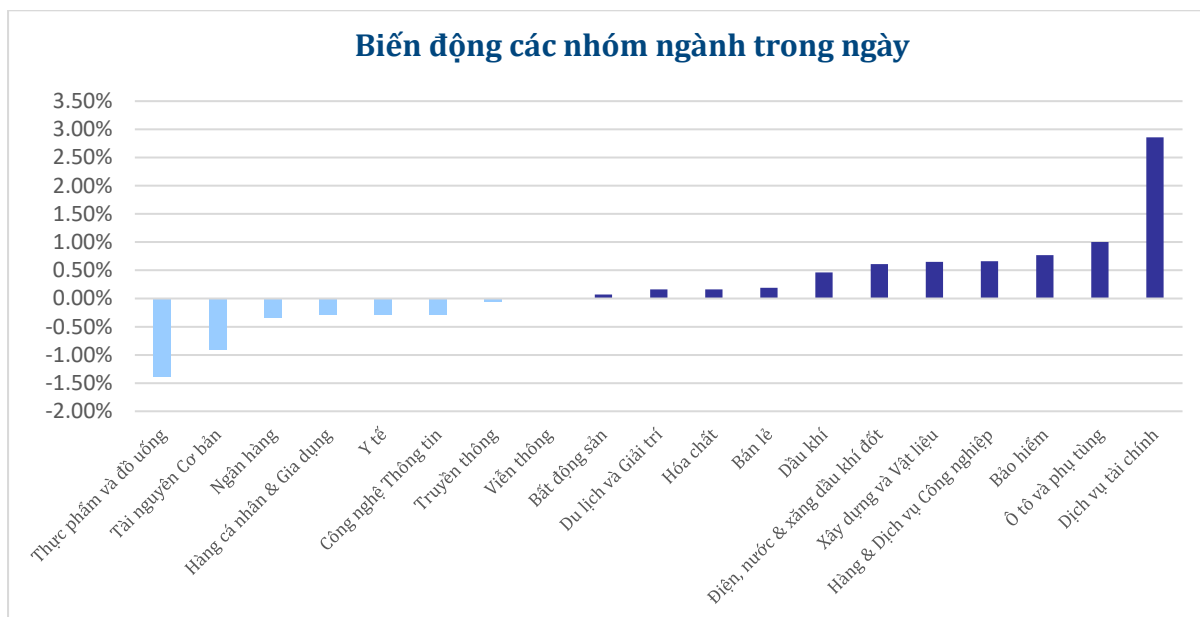


NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

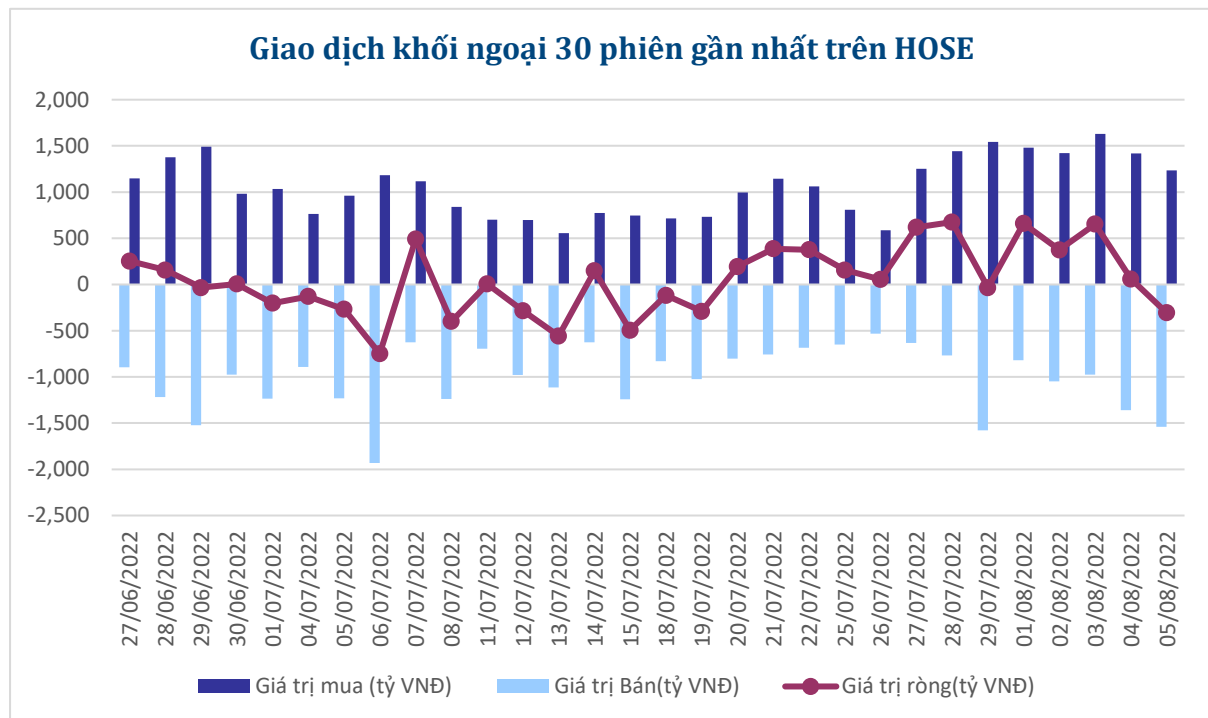




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

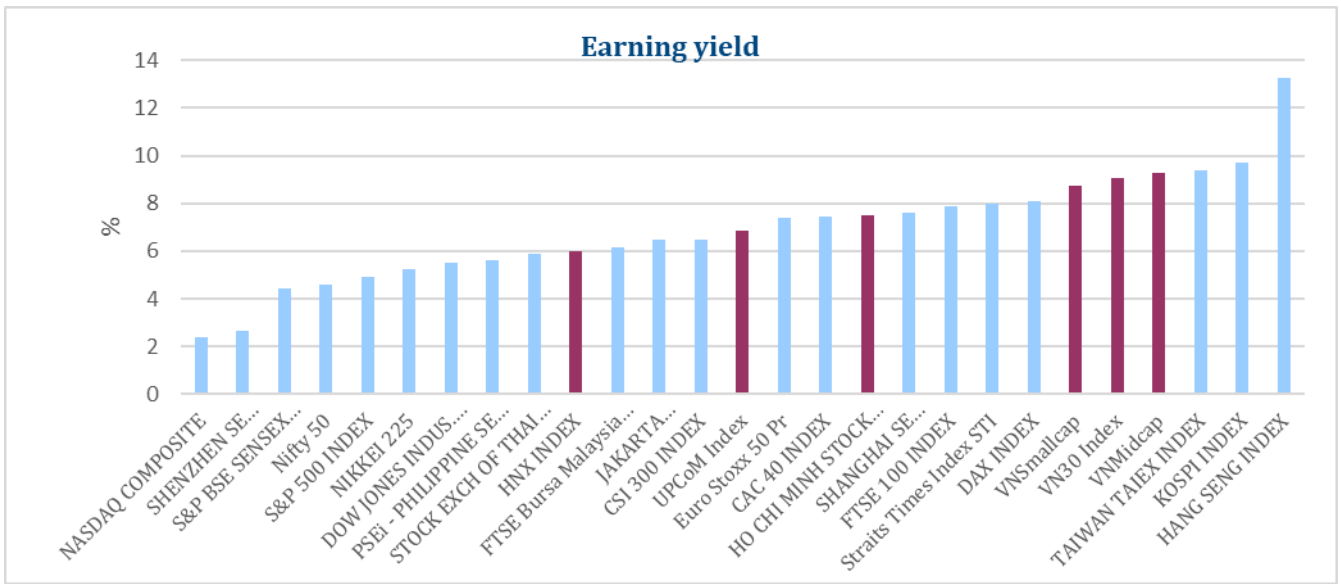
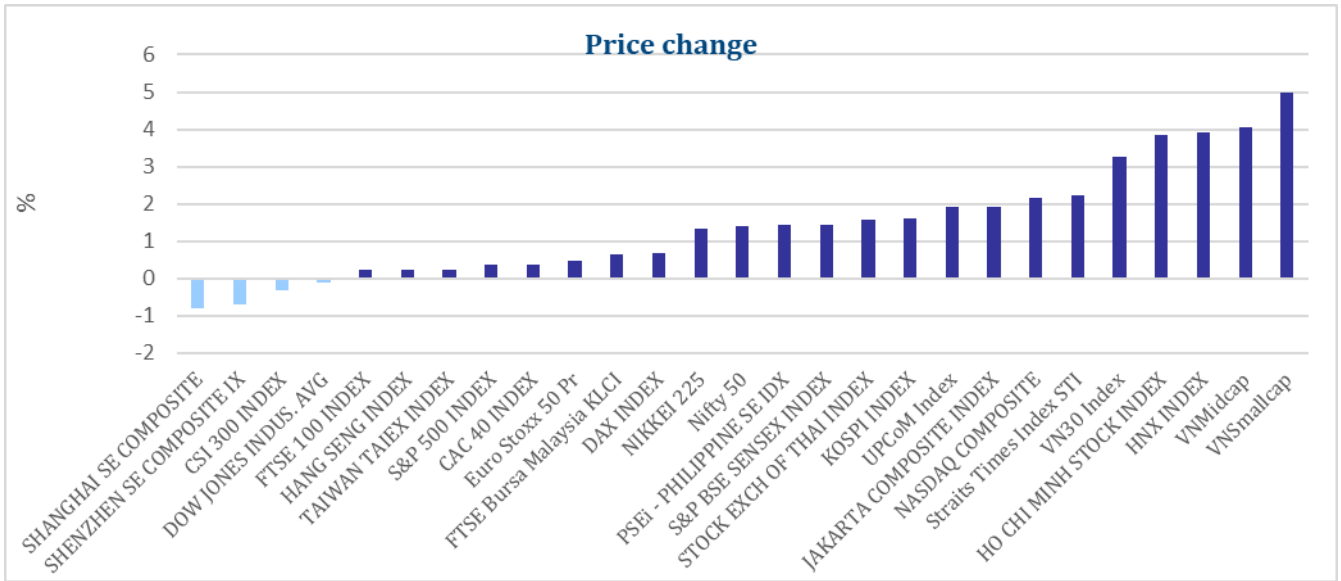
Trên HOSE bán ròng 305.35 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 2.71 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
SSI	150.79	HPG	452.89
E1VFN30	69.54	AGG	200.47
NVL	45.71	MSN	66.27
FUESSVFL	25.32	VJC	29.95
VRE	22.53	VNM	27.71





BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN

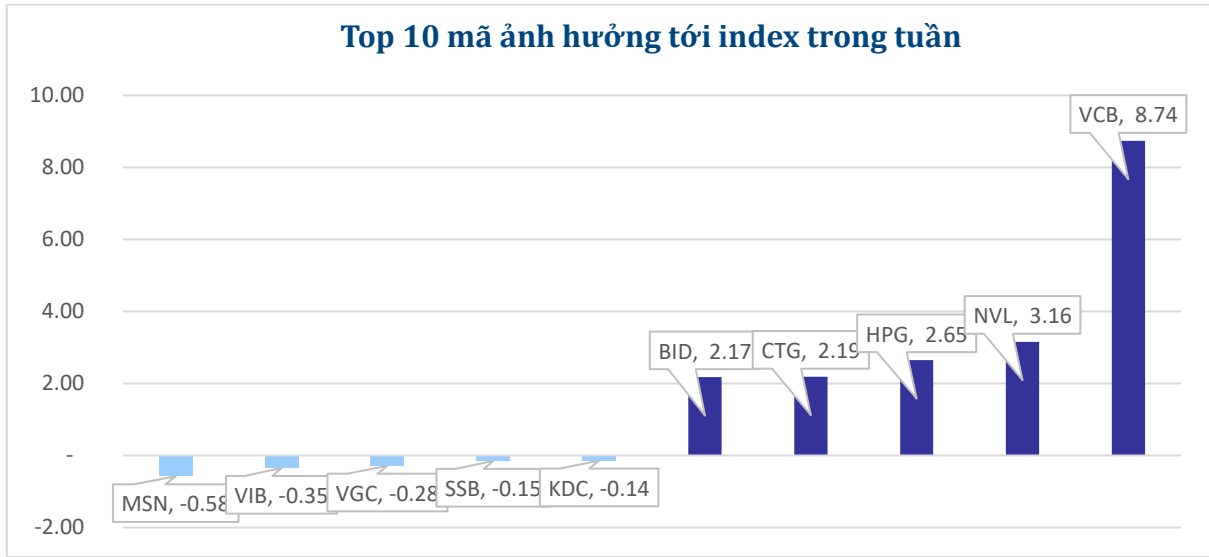


ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)



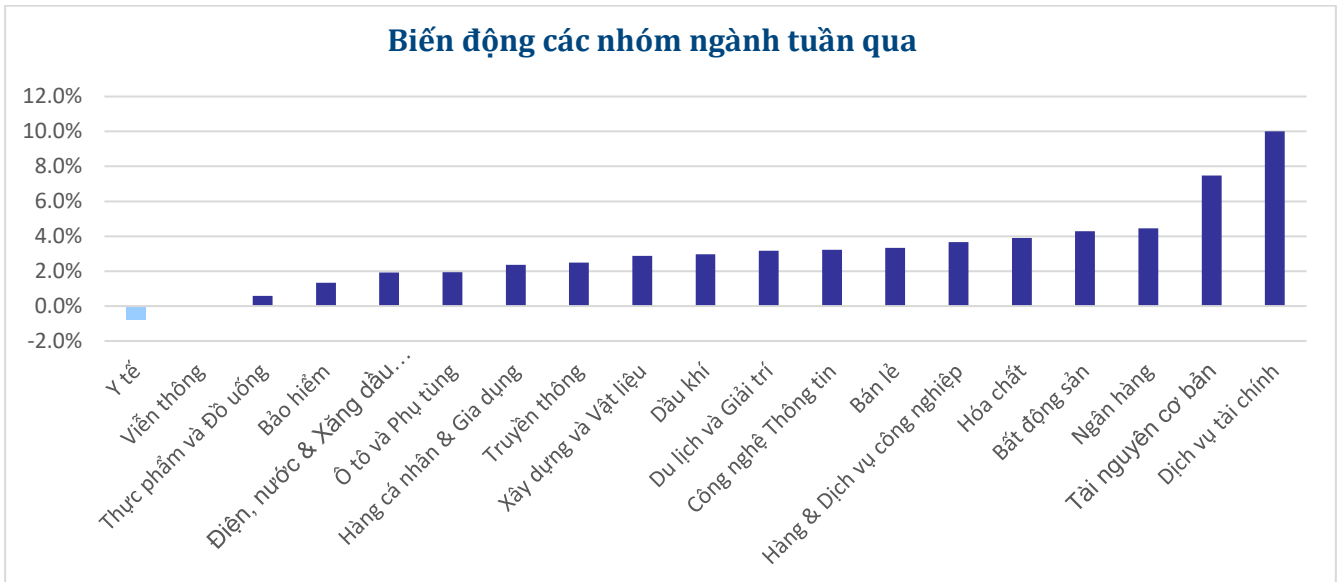


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



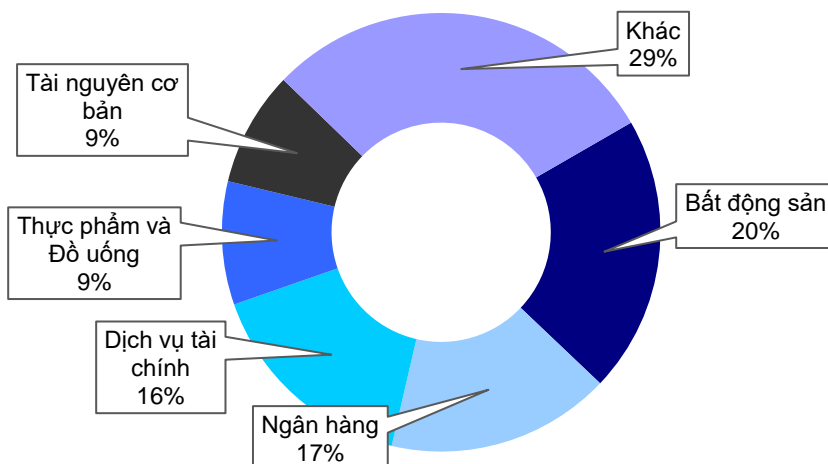
Top KLGD (triệu cp/phiên)	Top GTGD (tỷ đồng/phiên)	Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần	Top tăng điểm với thanh khoản cao	Top giảm điểm với thanh khoản cao	
HPG	39.5	HPG 913.1	IBC 4.09x	VC3 28.8%	PCH -23.6%
VND	31.9	VND 663.8	TLG 3.94x	APS 25.2%	SCG -4.8%
SSI	27.4	SSI 636.6	E1VFN30 2.75x	APG 24.0%	PAT -4.7%
HAG	23.6	VPB 397.0	AMV 2.75x	HSG 20.9%	TNH -4.1%
HNG	18.5	STB 379.8	APG 2.61x	TVC 19.5%	VGC -4.1%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





Đóng góp thanh khoản trong tuần

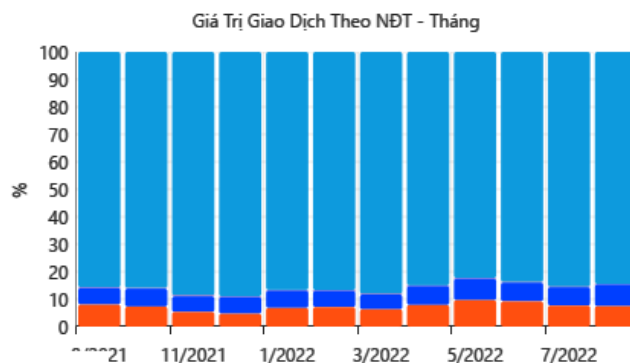
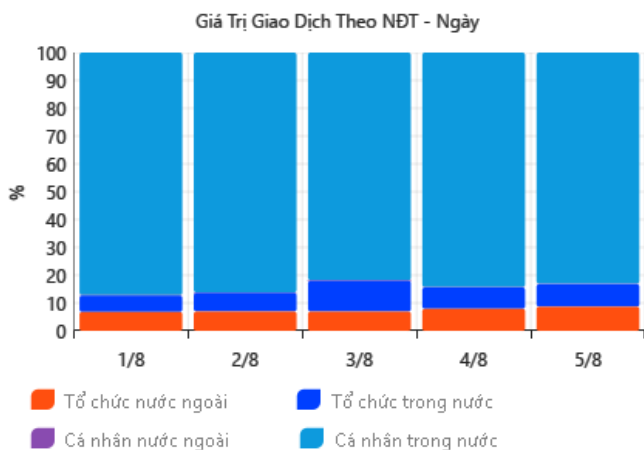


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	8.37%	7,219.4	HPG	8.37%	1,947.6
VND	15.18%	6,207.7	FUEVFVND	0.38%	1,682.0
SSI	16.16%	5,376.0	E1VFN30	2.00%	1,347.0
NVL	8.59%	3,618.8	SSI	16.16%	1,059.4
VPB	2.26%	3,578.5	MSN	-1.51%	1,042.6

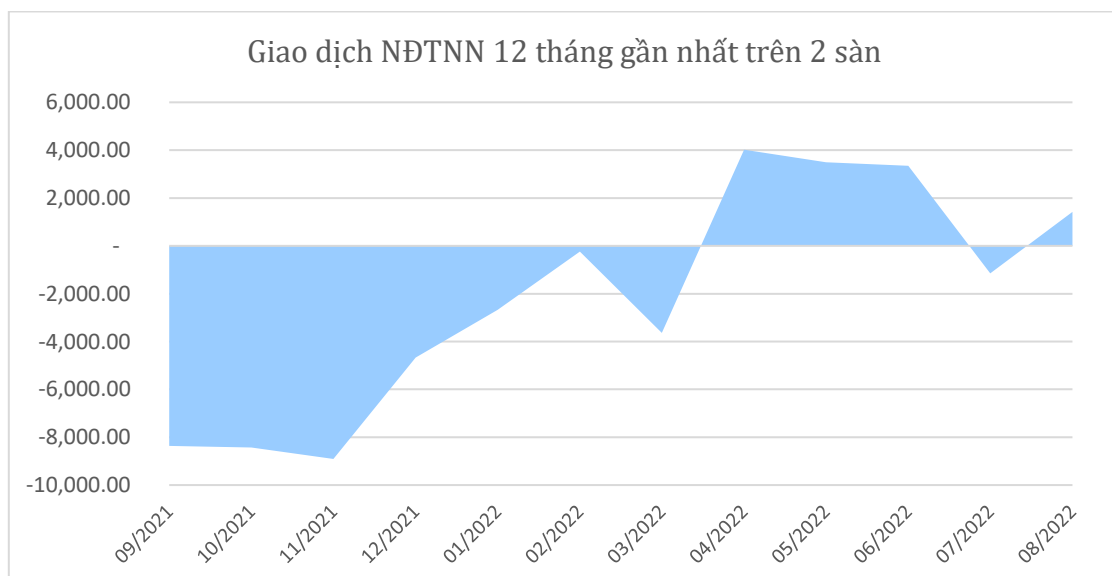
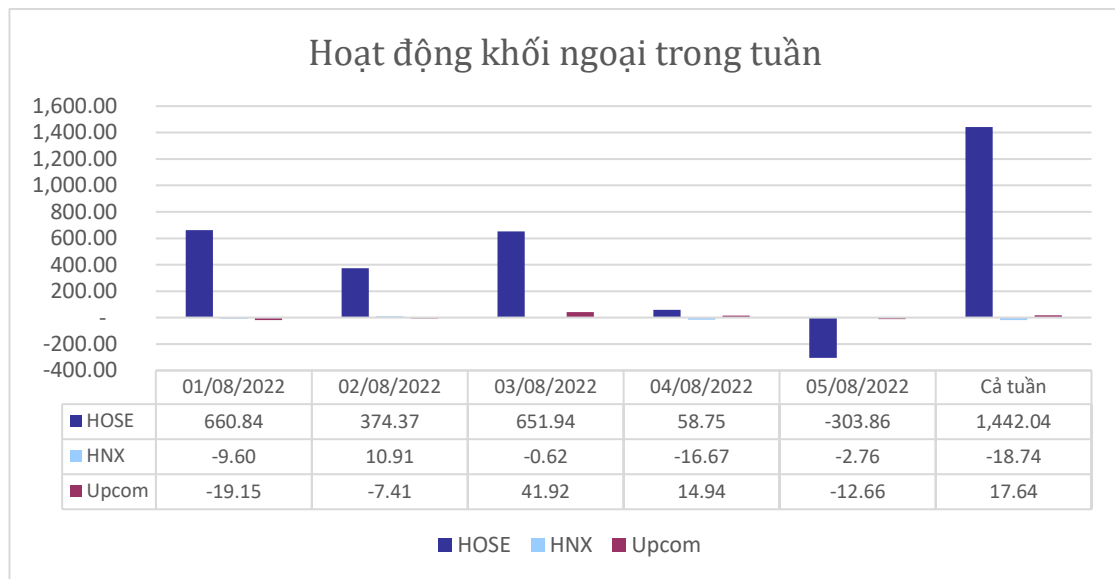
Tỷ trọng giao dịch





KHỐI NGOẠI

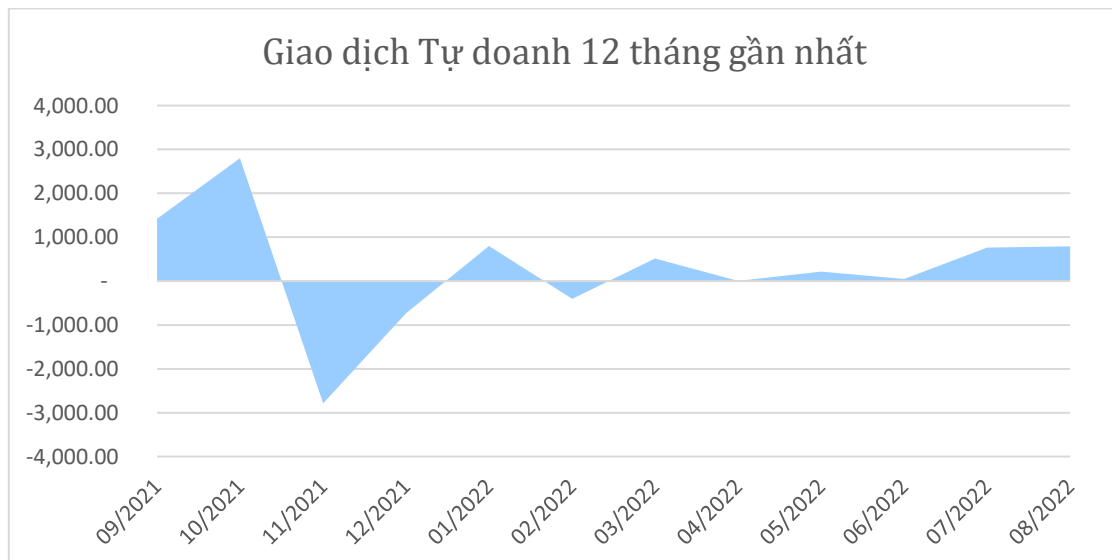
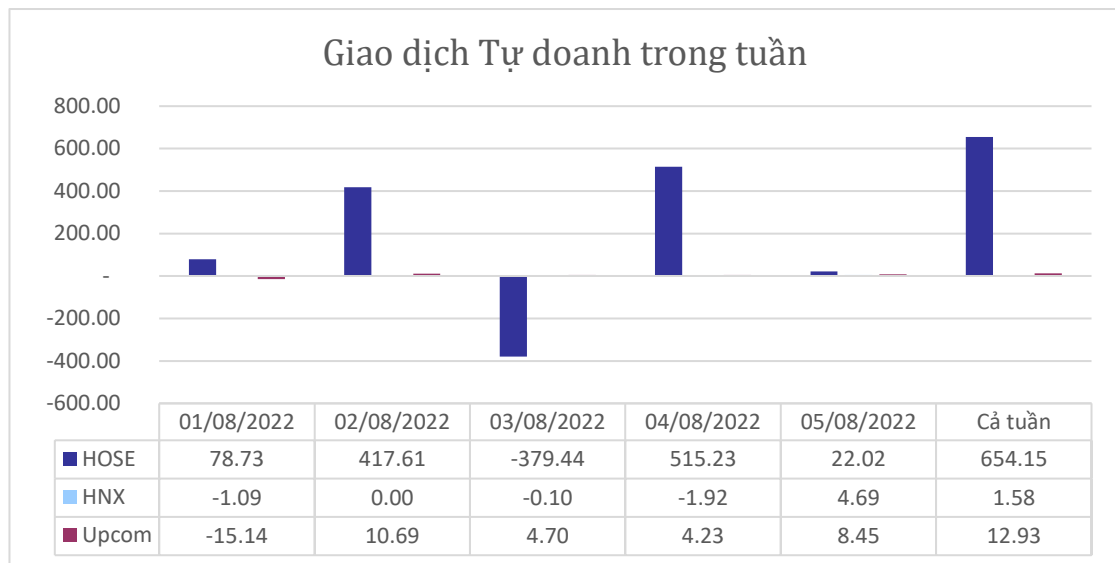
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
SSI	16.16%	491.66	FUEVFN30	0.38%	639.97
STB	2.23%	332.42	AGG	3.31%	200.17
VHM	3.17%	311.50	MSN	-1.51%	131.12
VCB	9.77%	288.00	E1VFN30	2.00%	69.45
CTG	6.62%	215.84	VNM	-0.27%	41.72





KHỐI TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

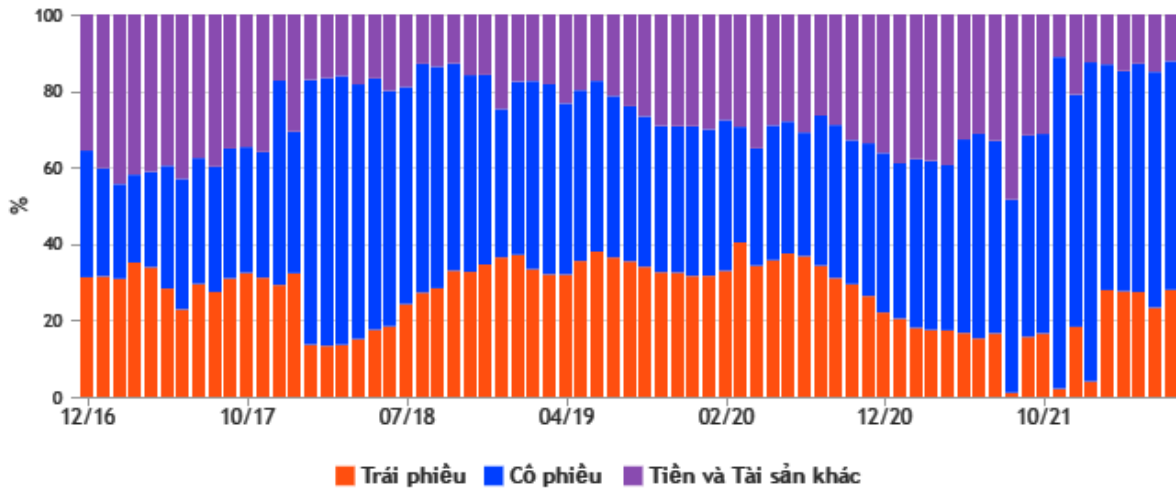
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
FUEVFNVD	0.38%	612.48	TCB	1.32%	173.01
HPG	8.37%	132.69	MWG	2.79%	134.73
MSN	-1.51%	129.85	FPT	2.75%	103.44
DXG	10.28%	128.12	ACB	1.02%	91.65
E1VFN30	2.00%	123.53	PNJ	0.79%	54.38



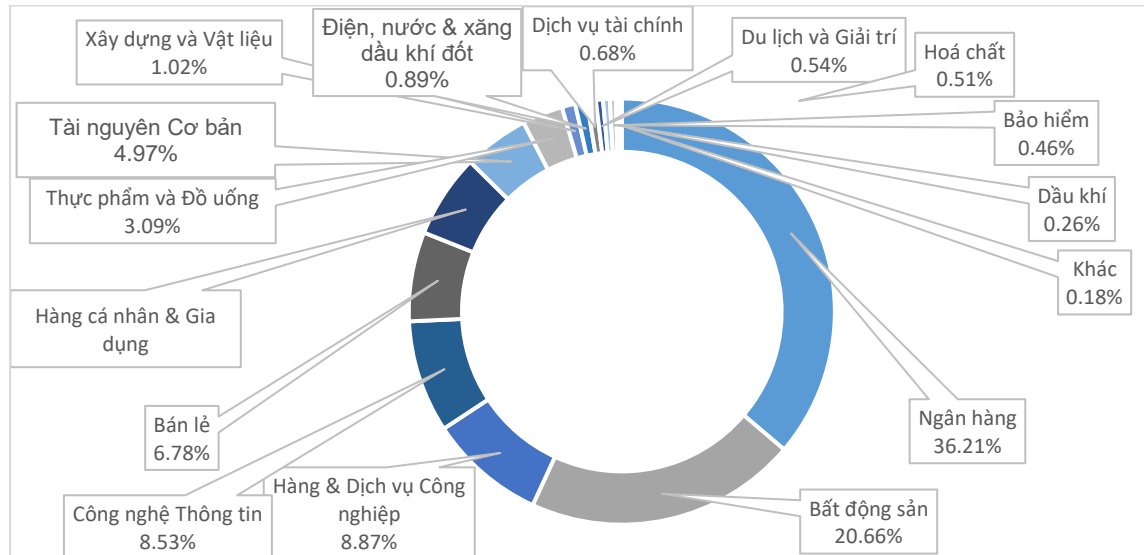


TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)

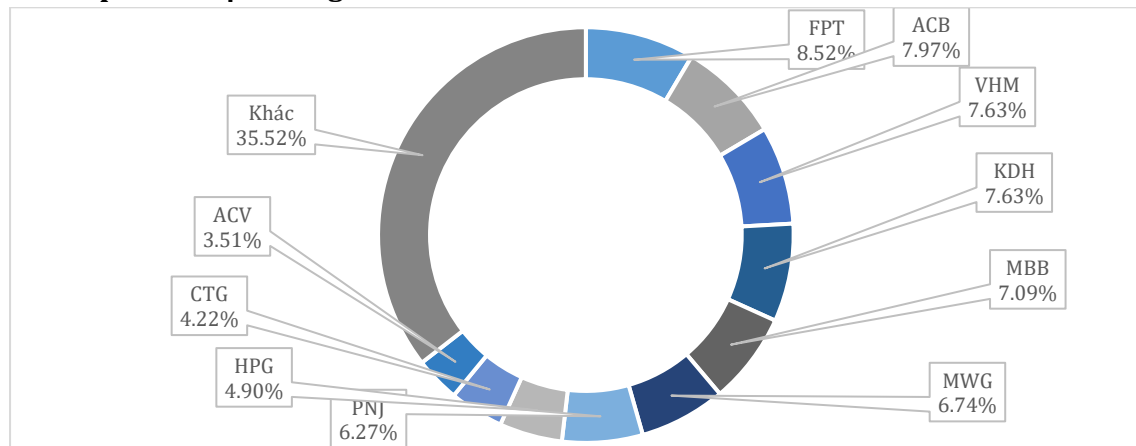
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất





LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
SVT	HSX	Giao dịch 3.473.795 cp niêm yết bổ sung		28/07/22	08/08/22
MWG	HSX	Thay đổi niêm yết (giảm) 232.000 cp		08/08/22	08/08/22
AAA	HSX	Giao dịch 55.840.000 cp niêm yết bổ sung			08/08/22
TNG	HNX	Giao dịch đầu tiên 7.413.372 cổ phiếu niêm yết bổ sung			08/08/22
SBT	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	08/08/22	09/08/22	08/08/22
CTF	HSX	Niêm yết bổ sung 3.619.766 cp		08/08/22	08/08/22
PLO	Upcom	ĐHČĐ thường niên 2022	09/08/22	10/08/22	27/08/22
TVA	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (200 đ/cp)	09/08/22	10/08/22	25/08/22
PTB	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	09/08/22	10/08/22	09/08/22
IFS	Upcom	Trả cổ tức (190 đ/cp)	09/08/22	10/08/22	09/09/22
SEB	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	09/08/22	10/08/22	23/08/22
VOC	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (1.200 đ/cp)	09/08/22	10/08/22	30/08/22
PTI	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	09/08/22	10/08/22	09/08/22
SFI	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 2:1) và tham dự họp ĐHCĐ bất thường 2022	09/08/22	10/08/22	09/08/22
DAT	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:14)	09/08/22	10/08/22	09/08/22
LCG	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 10:1)	09/08/22	10/08/22	09/08/22
BMD	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	09/08/22	10/08/22	30/08/22
L14	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:15)	09/08/22	10/08/22	09/08/22
TVM	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300đ/cp)	09/08/22	10/08/22	22/08/22
EMS	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10:1)	09/08/22	10/08/22	09/08/22
POT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (526 đ/cp)	09/08/22	10/08/22	19/08/22
SAP	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	09/08/22	10/08/22	09/08/22
SHE	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10:2)	09/08/22	10/08/22	09/08/22
EVS	HNX	Giao dịch đầu tiên 3.000.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung			10/08/22
DIG	HSX	ĐHCĐ bất thường năm 2022	10/08/22	11/08/22	10/08/22
TDH	HSX	ĐHCĐ bất thường năm 2022	10/08/22	11/08/22	10/08/22
QNW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (342 đ/cp)	11/08/22	12/08/22	25/08/22
HNA	Upcom	ĐHCĐ bất thường 2022	11/08/22	12/08/22	12/09/22
MNB	Upcom	ĐHCĐ bất thường năm 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	11/08/22	12/08/22	30/09/22
NAU	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (87 đ/cp)	11/08/22	12/08/22	25/08/22
TAP	Upcom	Ngày giao dịch cuối cùng của 1.416.700 cổ phiếu	11/08/22	11/08/22	11/08/22
PTL	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	12/08/22	15/08/22	17/08/22
CAP	HNX	Giao dịch đầu tiên 2.617.945 cổ phiếu niêm yết bổ sung			12/08/22
NVL	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	12/08/22	15/08/22	12/08/22
NHV	Upcom	Giao dịch đầu tiên của 2.256.512 cổ phiếu ĐKGD bổ sung			12/08/22
PCE	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.500 đ/cp)	12/08/22	15/08/22	15/09/22
VLA	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	12/08/22	15/08/22	12/08/22
TID	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	12/08/22	15/08/22	30/08/22
ITS	Upcom	ĐHCĐ bất thường 2022	12/08/22	15/08/22	12/08/22
MTV	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	12/08/22	15/08/22	08/09/22
GIL	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	12/08/22	15/08/22	26/08/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
VC9	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	12/08/22	15/08/22	12/08/22
VLP	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (500 đ/cp)	12/08/22	15/08/22	06/09/22
CII	HSX	Giao dịch đầu tiên 372.517 trái phiếu niêm yết			12/08/22
NDX	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (450 đ/cp)	12/08/22	15/08/22	31/08/22
ROS	HSX	ĐHCD bất thường năm 2022	12/08/22	15/08/22	12/08/22
PAC	HSX	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 (500 đ/cp)	12/08/22	15/08/22	31/08/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN - Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN - Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Đỗ Trung Nguyên

Chief Investment strategy

nguyendt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 – ext:702

Võ Thế Vinh

Head of Research

vinhvt@gtjas.com.vn - ext:701



LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999		
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696